BIỆN PHÁP GIẢNG DẠY THÀNH NGỮ - TỤC NGỮ TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI

ĐẶNG MỸ HẠNH
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Nhận bài ngày 08/9/2025. Sửa chữa xong 09/10/2025. Duyệt đăng 14/10/2025.

Abstract

With the ongoing process of international integration, openness, and deep globalization, Vietnamese society has undergone rapid and comprehensive transformations across multiple domains, including literature. These changes have given rise to new forms of folk literature, notably modern idioms and proverbs. This evolution poses new challenges and requirements for teaching Vietnamese to foreign learners. The article discusses the concept, characteristics, and significance of modern idioms and proverbs as contemporary forms of folk expression. It also proposes specific teaching methods and strategies to help foreign students understand, interpret, and use these linguistic forms appropriately. In doing so, the study emphasizes that effective instruction in modern idioms and proverbs not only enhances language proficiency but also fosters cultural awareness, enabling learners to better perceive the dynamics of Vietnamese society in the Đổi Mới era.

Keywords: *Folk literature, foreigners, idiom, modern, proverb, students, teach, Vietnamese.*

1. Đặt vấn đề

Cùng với sự phát triển của xã hội, văn học dân gian (VHDG) hiện đại luôn được sản sinh để đáp ứng nhu cầu giao tiếp của con người trong bối cảnh xã hội mới. Ở Việt Nam, từ năm 1986 đến nay, với quá trình hội nhập, mở cửa, sự toàn cầu hóa sâu rộng, xã hội Việt Nam đã có những thay đổi nhanh, mạnh mẽ toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Giới trẻ Việt Nam - thế hệ được sinh ra sau năm 1986 đã có những thay đổi sâu sắc về nhận thức. Điều đó được thể hiện qua sự xuất hiện của thể loại VHDG hiện đại, đó là thành ngữ - tục ngữ hiện đại. Bởi vậy, người nước ngoài học tập và làm việc ở Việt Nam cũng được tiếp nhận thể loại mới này. Do đó, việc giảng dạy thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại là cần thiết và điều này yêu cầu người dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài cần phải giải thích thành ngữ - tục ngữ hiện đại trong sự đối chiếu, so sánh về cấu trúc, nội dung, ý nghĩa, cảnh huống văn hóa khi sử dụng giữa các thành ngữ - tục ngữ hiện đại và thành ngữ - tục ngữ dân gian. Bên cạnh đó, việc luyện tập cho người học đặt câu, dựng đoạn hội thoại và xây dựng đúng tình huống sử dụng của các câu thành ngữ - tục ngữ hiện đại là kĩ năng cần thiết giúp người học tiếp nhận vốn từ mới này. Thể loại này lưu dấu nhiều chứng tích văn hóa, thể hiện sự vận động xã hội nên yêu cầu người dạy không chỉ có kĩ năng giảng dạy ngoại ngữ mà còn cần sự hiểu biết sâu, rộng kiến thức văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc. Bài báo trình bày khái niệm, vai trò của thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại và đề xuất một số kĩ năng và phương pháp giảng dạy thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt hiện đại cho sinh viên (SV) nước ngoài để họ hiểu và vận dụng đúng thể loại này trong giao tiếp xã hội qua đó, giúp SV nước ngoài tìm hiểu sự vận động của xã hội Việt Nam trong thời kì Đổi mới. Đây là một yêu cầu cần thiết để đáp ứng được nhu cầu giao tiếp xã hội của SV nước ngoài với người Việt và điều này cũng đòi hỏi người dạy Tiếng Việt cần có kiến thức văn hóa, xã hội đủ sâu và rộng.

Email: dangmyhanhajc@gmail.com

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm và vai trò của thành ngữ - tục ngữ hiện đại trong việc học Tiếng Việt đối với sinh viên nước ngoài

2.1.1. Khái niệm "thành ngữ - tục ngữ hiện đại"

Thành ngữ là một thể loại VHDG, trong đó xét về cấu trúc ngôn ngữ, đó là một cấu trúc cố định, được cộng đồng quen dùng và có nghĩa không phải là sự cộng lại của từng từ trong đó; tục ngữ là: *"Câu ngắn gọn, thường có vần điệu, đúc kết tri thức, kinh nghiệm sống và đạo đức thực tiễn của nhân dân"* [1, tr. 1062]; Thể loại VHDG này có cấu trúc riêng. Theo Nguyễn Như Ý và cộng sự [2, tr. 271], "thành ngữ" là *"Cụm từ hay ngữ cố định có tính nguyên khối về ngữ nghĩa, tạo thành một chỉnh thể định danh có ý nghĩa chung khác tổng số ý nghĩa của các thành tố cấu thành nó, tức là không có nghĩa đen và hoạt động như một từ riêng biệt ở trong câu"* và "tục ngữ" là *"Câu ngắn gọn, có cấu trúc tương đối ổn định, đúc kết kinh nghiệm sống, đạo đức, tri thức của một dân tộc; (...) tục ngữ không bao hàm ý nghĩa khuyên răn trực tiếp"* [2, tr. 329]. Sự phân biệt thành ngữ - tục ngữ chỉ có tính chất tương đối, bởi đặc điểm "nguyên khối" (về kết cấu) và ổn định (về nghĩa) khiến cho không phải lúc nào người dùng cũng nhận diện được rõ ràng đâu là thành ngữ - tục ngữ. Do vậy, ở bài báo này, người viết cũng sử dụng tổ hợp tên gọi chung là *thể loại thành ngữ - tục ngữ* vì có nhiều trường hợp không dễ phân định.

Từ những định nghĩa trên có thể thấy, thể loại thành ngữ - tục ngữ có những đặc điểm chung nhất sau đây: chúng là một thể loại văn học có dung lượng ngắn, kết cấu chặt chẽ, bố cục gọn, được sáng tác bằng hình thức truyền miệng; chất liệu sáng tác là ngôn ngữ nói (khẩu ngữ); từ góc độ ngôn ngữ học, xét về phong cách ngôn ngữ, chúng thuộc lớp từ khẩu ngữ; về tính ổn định của cấu trúc: có kết cấu cố định và sự bền vững kết cấu theo thời gian; về nghĩa: có sự ổn định; về chức năng: được sử dụng như từ, là đơn vị tương đương từ; về ý nghĩa: nêu lên kinh nghiệm ứng xử, lao động sản xuất của người lao động. Đây là thể loại văn học được ví là "túi khôn" của dân tộc. Khác với các thể loại VHDG khác như sử thi, thần thoại, cổ tích, thành ngữ - tục ngữ luôn có sự phát triển không ngữ nghỉ, tạo nên "dòng chảy" liền mạch, tiếp nối; đó có thể gọi là thành ngữ - tục ngữ dân gian truyền thống và thành ngữ - tục ngữ dân gian hiện đại. Dòng chảy này mang hơi thở của lịch sử, thời đại mà nó "chảy" qua.

Về "thành ngữ - tục ngữ hiện đại", theo Đỗ Thùy Trang [3, tr. 140], trước hết đó là những kết cấu đảm bảo được những đặc điểm chung nhất của thành ngữ - tục ngữ, do giới trẻ sáng tạo ra và sử dụng; đó là *"sản phẩm độc đáo của giới trẻ Việt ngày nay trong giao tiếp"*. Theo Lê Thị Hồng Minh [4], tục ngữ - thành ngữ là những hiện tượng văn hóa, ý thức xã hội. Dòng chảy ngôn ngữ không ngừng vận động, biến đổi và luôn sản sinh, làm phong phú, mới mẻ cho đời sống ngôn ngữ. Trong những năm qua, bên cạnh việc sử dụng những câu tục ngữ - thành ngữ dân gian, người Việt, đặc biệt là các bạn trẻ còn thích sử dụng các cụm từ cố định mới. Nhiều cụm từ cố định mới này có thể được xem là những câu tục ngữ, thành ngữ mới. Từ các định nghĩa trên, có thể thấy điểm chung trong đó là: thành ngữ - tục ngữ hiện đại là thể loại có cấu trúc là các cụm từ cố định; được nảy sinh trong dòng vận động của ý thức - văn hóa xã hội Việt Nam hiện đại; do thế hệ trẻ sáng tạo và sử dụng. Trong bài báo này, tác giả xin đưa ra định nghĩa về thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại như sau: Thành ngữ - tục ngữ hiện đại là thể loại có cấu trúc là cụm từ cố định hoặc các câu ngắn gọn thể hiện tư duy, ý thức văn hóa xã hội của thế hệ trẻ Việt Nam, do thế hệ trẻ sáng tạo và sử dụng trong đời sống giao tiếp hiện nay của người Việt.

2.1.2. Vai trò của việc tiếp nhận thể loại thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt hiện đại đối với sinh viên nước ngoài

Thành ngữ - tục ngữ hiện đại là một thể loại văn học mới, được ra đời khi xã hội Việt Nam có những thay đổi sâu sắc và mạnh mẽ. Tác giả Trần Thị Trâm [5, tr. 42] nhận định: *"Từ năm 1986, với tinh thần dân chủ, cởi mở, với sự tham gia tích cực của lực lượng trí thức và sự hỗ trợ hết sức đắc lực của công nghệ hiện đại, nhất là mạng Internet (đặc biệt là Facebook), VHDG đã phát triển với một tốc*

độ lớn, có sự thay đổi nhanh chóng về số lượng và chất lượng, có sự gia tăng chất hài, tăng cường tính thời sự, tăng cường chất triết luận và trí tuệ, "gia tăng chất chính trị và mang đậm dấu ấn của tầng lớp trí thức". Phần lớn số lượng thành ngữ - tục ngữ hiện đại được tạo ra bởi giới trẻ, đặc biệt là thế hệ trẻ sinh ra trong khoảng năm 1997-2002 (thế hệ được gọi là Gen Z). Thế hệ này đã tạo ra số lượng thành ngữ - tục ngữ hiện đại, mới nhanh, với tần suất, cường độ mạnh nhất từ trước tới nay; đồng thời đây cũng là lớp công chúng thường xuyên sử dụng thể loại thành ngữ - tục ngữ này khiến tốc tộ lan tỏa trong cộng động vừa có chiều sâu, vừa có độ rộng. Do đó, thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại đã vượt ra khỏi phạm vi giao tiếp của người trẻ để trở thành ngôn ngữ giao tiếp toàn dân nên khi tiếp xúc với người Việt, nhất là với thế hệ trẻ, SV nước ngoài tất yếu sẽ được tiếp xúc với thể loại từ ngữ mới này.

Nếu cấu trúc của thành ngữ - tục ngữ hiện đại có sự kế thừa kiểu cấu trúc từ thành ngữ - tục ngữ dân gian thì ngữ nghĩa, tư duy của lời/ngôn từ lại mang cái mới/hiện đại của thời đại. Do đó, đứng từ góc độ từ vựng học, thành ngữ - tục ngữ thuộc lớp từ vựng hạn chế trong cách sử dụng (do thời gian xuất hiện còn mới so với lớp từ vựng tích cực) nên phạm vi không gian, đối tượng sử dụng hẹp). Trong các từ điển tiếng Việt cũng như từ điển song ngữ, số lượng từ ngữ hiện đại này chưa có trong các mục từ. Trong cuốn *Từ điển từ mới tiếng Việt* do Viện Ngôn ngữ học biên soạn, số lượng từ mới được đưa vào từ điển được tính theo "mốc thời gian từ 1985 đến 2000" (Chu Bích Thu, 2008). Do đó, đây sẽ là một khó khăn, một rào cản ngôn ngữ đối với SV nước ngoài. Trong khí đó, hiện nay nhiều SV nước ngoài còn lúng túng khi vận dụng những thể loại từ ngữ này khi giao tiếp. Bởi vậy, việc trang bị cho SV sự hiểu biết nhất định thể loại VHDG hiện đại cũng là lớp từ mới này là cần thiết trong nội dung giảng dạy Tiếng Việt cho người nước ngoài. Bên cạnh đó, ngôn ngữ - với tư cách là một sinh ngữ - luôn gắn bó mật thiết với đời sống. VHDG ở thời đại nào cũng có mối quan hệ rất chặt chẽ với đời sống xã hội. Thành ngữ - tục ngữ hiện đại là hai thể loại VHDG hiện đại phát triển mạnh nhất, mang hơi thở thời đại, có hình thức cô đọng, hàm súc, có ý nghĩa khái quát, có cấu trúc là một khối bền vững nên nếu vận dụng đắc địa vào ngữ cảnh sẽ tạo được hiệu quả cao, giúp lời nói, câu văn sâu sắc, ngắn gọn và hay hơn. Hơn nữa, thể loại này giúp người nước ngoài có vốn từ ngữ để thể hiện hết điều muốn nói khi đề cập đến chủ đề về một vấn đề liên quan đến xã hội Việt Nam hiện nay. Đối tượng giao tiếp của người nước ngoài tại Việt Nam có một biên độ khá lớn: là những người trong độ tuổi dao động từ 18 tuổi (tuổi bậc đại học) đến 40 tuổi. Đây là khoảng tuổi sử dụng nhiều nhất từ ngữ hiện đại trong giao tiếp. Tuy nhiên, theo Mai Xuân Huy [6, tr. 40], ngôn ngữ giới trẻ *"đã và đang "lây lan" sang cả lớp người đứng tuổi, thuộc đủ các giới xã hội";* và *"có thể thấy rằng mọi người trong xã hội, bất kể tuổi tác, nghề nghiệp và địa vị đã bị ảnh hưởng ít nhiều của ngôn ngữ teen (giới trẻ) thế nào"*. Do đó, việc người nước ngoài muốn có đủ vốn từ để điễn đạt cho người Việt hiểu, họ cần sử dụng nhiều từ thuộc lớp từ mới, trong đó có vốn từ được lưu dấu trong thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại. Mặt khác, thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại giúp người nước ngoài khám phá những "mảnh ghép" văn hóa Việt Nam thời đại mới. Ngôn ngữ là phương tiện thể hiện văn hóa, là hồn cốt bộc lộ tư duy dân tộc. Do vậy, khi tiếp nhận một ngôn ngữ mới cũng là tiếp nhận một nền văn hóa với những đặc trưng tư duy khác với tiếng mẹ đẻ. Thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt hiện đại thể hiện một nét, một "góc" văn hóa Việt thời kì mới. Bên cạnh đó, thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại giúp người nước ngoài hiểu được sự thay đổi của đất nước, tư duy của con người, đặc biệt là tư duy của thế hệ trẻ Việt Nam. Cuối cùng, việc hiểu thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại góp phần giúp người nước ngoài và người Việt hiểu nhau, giao tiếp với nhau dễ dàng hơn.

2.2. Một số vấn đề đặt ra khi giảng dạy thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt hiện đại

2.2.1. Sự tiếp nhận thể loại thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt hiện đại

Việc tiếp nhận thể loại thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt hiện đại với người nước ngoài là một thách thức. Những khó khăn cơ bản thường gặp phải là: cách hiểu về nội dung, cách vận dụng các câu

thành ngữ - tục ngữ hiện đại. Để giải quyết được khó khăn này, người dạy cần kiên trì giải thích nghĩa, đặc điểm văn hóa chi phối các câu thành ngữ - tục ngữ hiện đại cụ thể. Sự thay đổi tư duy của thế hệ trẻ Việt Nam dẫn đến ngữ cảnh vận dụng khác nhiều so với các câu dân gian; chẳng hạn:

Thành ngữ - tục ngữ		Cách sử dụng	
Dân gian	**Mới**	**Dân gian**	**Mới**
Cá không ăn muối cá ươn, Con cãi cha mẹ trăm đường con hư	- Cá không ăn muối cá ươn, Con cãi cha mẹ trăm đường con… đi.	So sánh con cãi cha mẹ hư, hỏng như cá ươn (cá để lâu không ướp (ăn) muối nên bị hỏng, phải bỏ đi). Do đó, câu này vận dụng trong hoàn cảnh chỉ một gia đình nào đó, có con hư theo kiểu hay "cãi cha mẹ".	Về so sánh vẫn giữ nguyên như câu dân gian. Tuy nhiên, nếu trước kia, con cái dù hư hỏng, bị cha mẹ quở trách cũng khó dám bỏ nhà đi thì ngày nay, chỉ vì mâu thuẫn hay lời mắng mỏ, nhiều bạn trẻ dễ dàng rời bỏ gia đình. Chính vì thế, câu thành ngữ được vận dụng trong bối cảnh hiện đại như một lời nhắc nhở giữa các bậc cha mẹ với nhau: khi dạy con, đặc biệt trong những lúc tranh luận hoặc bất đồng ý kiến, cha mẹ cần thận trọng trong lời nói và cách ứng xử. Bởi lẽ, ngày nay, "con cãi cha mẹ" có thể dẫn tới "trăm đường con đi", chứ không đơn thuần chỉ dừng lại ở sự hư hỏng như trước kia.
Một điều nhịn là chín điều lành	Một điều nhịn là chín điều nhục	Dân gian khuyên cuộc sống nên biết nhẫn nhịn, chịu đựng. Biết nhẫn là có sự an lành. Tình huống vận dụng là khi hai hoặc nhiều người nổ ra tranh cãi, bản thân mình cần biết tự rút lui hoặc tìm cách nhẹ nhàng giải quyết, thậm chí, có thể nhận thua thiệt về mình.	Xã hội đôi khi nhìn nhận rằng sự nhẫn nhịn quá mức sẽ trở thành nhu nhược. Bởi vậy, câu thành ngữ cũng nhắc nhở con người không nên nhẫn nhịn một cách mù quáng mà cần biết đấu tranh để bảo vệ chính mình. Trong tình huống xảy ra xung đột, khi bản thân bị hiểu lầm hay bị đánh giá sai, người ta cần có thái độ rõ ràng, tranh luận thẳng thắn và hợp lí để làm sáng tỏ vấn đề, qua đó giữ gìn danh dự và quyền lợi chính đáng.
Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.	Một con ngựa đau cả tàu ăn thêm cỏ.	Cách chia sẻ của người xưa: khi một con ngựa đau (ốm, mệt, buồn bã) là cả đàn ngựa (tàu ngựa) thôi không ăn cỏ nữa. Ý nói: trong một cộng đồng, nếu một người đau yếu thì tất cả cùng chia sẻ bằng hành động cụ thể (bỏ cỏ). Tình huống áp dụng: khi trong một tập thể, có người gặp chuyện không vui, tập thể đó sẽ hoãn, dừng hết các cuộc vui đã được lên kế hoạch trước đó. Câu thành ngữ xưa đề cao tinh thần gắn kết, sẻ chia từ cộng đồng.	Thời nay, khi một con ngựa trong đàn bị đau, những con khác vẫn thản nhiên ăn cỏ, thậm chí còn ăn nhiều hơn. Hình ảnh ấy ngụ ý rằng tinh thần sẻ chia nỗi đau giữa người với người dường như không còn được coi trọng; ai gặp khó khăn thì tự mình gánh chịu. Điều này phản ánh một thực trạng đáng suy ngẫm trong xã hội hiện đại: sự thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của người khác; cảnh báo tình trạng cá nhân chỉ quan tâm đến lợi ích riêng, thậm chí tận dụng khó khăn của người khác để mưu cầu lợi ích cho mình. Đây là một lời nhắc nhở sâu sắc về sự mai một của lòng nhân ái, tinh thần cộng đồng và đặt ra yêu cầu cấp thiết: trong gia đình, nhà trường và xã hội cần nuôi dưỡng lòng trắc ẩn, khả năng đồng cảm và ý thức sẻ chia ở mỗi cá nhân, hỗ trợ nhau khi gặp khó khăn, coi niềm vui hay nỗi buồn của tập thể là của chính mình, nhất là đối với thế hệ trẻ.

2.2.2. Đối chiếu, so sánh thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại với thành ngữ - tục ngữ dân gian

Sự đối chiếu, so sánh thành ngữ - tục ngữ hiện đại với thành ngữ - tục ngữ dân gian cần được thực hiện tỉ mỉ, kĩ lưỡng trong bài giảng. Việc so sánh giúp người học nhận thấy những khác biệt giữa các câu thành ngữ - tục ngữ của các thời đại khác nhau; sự thay đổi về xã hội và nhận thức xã hội. Việc so sánh không chỉ giúp người học dễ hiểu mà còn dễ nhớ bài học. Các nội dung so sánh cần cụ thể về từ ngữ, cấu trúc; so sánh về thời đại xuất hiện, về bối cảnh của thời đại; so sánh về nội dung, ý nghĩa; so sánh về sự thay đổi trong tư duy thời đại (giữa hai câu, câu truyền thống và câu mới), về tình huống sử dụng. Những nội dung chi tiết này là một thách thức đối với người dạy. Ví dụ: "*Chuyện nhỏ như con thỏ*" - một cách nói hiện đại, biểu đạt thái độ coi nhẹ khó khăn, có thể xem là biến thể hài hước của thành ngữ dân gian như *Dễ như trở bàn tay"*. Tương tự, *"Bét nhè con gà què"* là cách nói cường điệu, thể hiện tình huống "say xỉn" hay "vui quá mức", gần nghĩa với *"Say như điếu đổ"* nhưng mang màu sắc khẩu ngữ và tính giải trí cao hơn. Cách diễn đạt ấy phản ánh sự thay đổi trong lối tư duy ngôn ngữ: từ phong cách giáo huấn, chuẩn mực của dân gian sang phong cách biểu cảm, tự do và giàu tính cá nhân trong ngôn ngữ giới trẻ. Điều này cho thấy sự chuyển đổi từ tư duy nghiêm cẩn sang tư duy biểu cảm, tự do và hóm hỉnh, đặc trưng của văn hóa giao tiếp đương đại.

Việc dạy ngoại ngữ nói chung với mục đích tăng cường vốn ngôn ngữ tiếng Việt cho người học, tất nhiên cần có sự định hướng của người dạy; giảng viên sử dụng từ vựng văn hóa dân tộc để cung cấp cho người học, song quá trình tiếp xúc xã hội của người học, tất yếu họ sẽ tiếp nhận nhiều lớp từ ngữ, yêu cầu người dạy phải nắm chắc được không chỉ kiến thức về văn học, khoa học ngôn ngữ mà còn cần sự hiểu biết xã hội và có những giải thích đầy đủ, đáp ứng yêu cầu của người tiếp nhận.

2.3. Đề xuất biện pháp giảng dạy thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt hiện đại cho sinh viên nước ngoài

2.3.1. Giúp sinh viên nước ngoài nhận diện được cơ bản về thể loại thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt hiện đại

Nhận diện về cấu trúc, nghĩa, cách vận dụng thành ngữ - tục ngữ hiện đại: Về thời gian, căn cứ theo Từ điển từ mới tiếng Việt [7], nhóm từ vựng mới này tạm thời được chấp nhận với đề xuất cho rằng thời gian xuất hiện từ 1985, đặc biệt là khoảng từ 1997-2002; khái niệm "mới" để phân biệt với các thành ngữ - tục ngữ truyền thống, đã lưu truyền trong dân gian; người Việt đã quen thuộc bởi đó là lời dạy từ xa, xưa của cha ông để lại.

- *Về cấu trúc*: Thành ngữ - tục ngữ là cụm từ cố định.

- *Về nghĩa:* Nghĩa của thành ngữ và tục ngữ không phải là sự cộng vào các nghĩa của từ trong đó. Theo nhóm tác giả Mai Ngọc Chừ và cộng sự [8], nghĩa của thành ngữ "có tính hình tượng hoặc/và gợi cảm". Theo tác giả Nguyễn Lân [9], tục ngữ "có ý nghĩa trọn vẹn nói lên hoặc một nhận xét về tâm lí, hoặc một lời phê phán, khen hay chê hoặc một câu khuyên nhủ hoặc một kinh nghiệm về nhận thức tự nhiên hay xã hội…".

- *Nhận diện về cách vận dụng của người Việt:* Căn cứ vào ý nghĩa của câu thành ngữ - tục ngữ cụ thể để vận dụng trong giao tiếp. Đây là cơ sở quan trọng nhất để người nước ngoài nắm được cách sử dụng, đúng với thói quen tư duy và cách tiếp nhận của người Việt. Lấy bảng ví dụ sau đây để chỉ ra cách vận dụng.

Thành ngữ - tục ngữ hiện đại			**Thành ngữ - tục ngữ dân gian truyền thống**		
	Nghĩa	**Cách vận dụng**		**Nghĩa**	**Cách vận dụng**
Sáng tạo là phải táo bạo	Sáng tạo là dám mạnh bạo làm cái mới, chưa ai làm (táo bạo)	Dùng để khen người dám làm cái mới chưa ai làm được; khen một sản phẩm (sáng chế) mới; từ đó khen người làm ra cái mới.	*Cái khó ló cái khôn*	Khi gặp khó khăn, con người ta thường tìm ra những cách làm mới để vượt qua khó khăn	Để nhận xét về người vượt qua được khó khăn nhờ những cách làm mới/hoặc có ý tưởng mới
Sống nhân ái đời không tê tái.	Sống biết yêu thương (nhân ái) sẽ mang lại sự ấm áp (không tê tái), hạnh phúc.	Lời khuyên cho mọi người, hoặc khuyên cho một người cụ thể mà họ sống chưa biết vì người khác.	*Ở hiền gặp lành*	Người sống hiền lành, tử tế sẽ gặt hái những tốt đẹp, an lành.	Để nhận xét, đánh giá về cuộc sống hạnh phúc, viên mãn của một ai đó mà quá trình sống của họ, ta biết học sống tử tế, nhân hậu.
Gặp khó đừng có kêu ca	Khi gặp khó khăn đừng kêu ca, phàn nàn	Dùng để khuyên người đang gặp khó khăn nhưng chỉ biết kêu ca. Ẩn ý là: khi gặp khó thì đừng kêu ca phàn nàn mà trước hết hãy bắt tay vào việc giải quyết những khó khăn.	*Cái khó bó cái khôn*	Khi gặp khó khăn quá mức, con người ta không vượt qua được, vì khó khăn lớn đến mức đã bó buộc cách giải quyết khó khăn	Để nhận xét về một ai đó không vượt qua được khó khăn, chấp nhận sự bất lực, thất bại của bản thân.

2.3.2. Sử dụng một số phương pháp giúp sinh viên nước ngoài sử dụng thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt hiện đại

a. Phương pháp đặt câu: Đặt câu với thành ngữ - tục ngữ hiện đại: Theo Nguyễn Thiện Giáp và các cộng sự, "ngữ" (tức cụm từ cố định, đoản ngữ) là cụm từ có sẵn trong ngôn ngữ, "là đơn vị từ vựng tương đương với từ" [10]. Bởi vậy, việc đặt câu với thành ngữ cũng giống như đặt câu với từ. Tuy

nhiên, đặt câu với thành ngữ khó hơn đặt câu với từ vì nghĩa của từ đơn giản hơn nghĩa của thành ngữ. Để vận dụng được thành ngữ hiện đại cần thiết phải biết đặt câu có chứa loại cụm từ này đúng với cảnh huống giao tiếp (ngữ cảnh), ví dụ: "Thời đại phát triển công nghệ nhanh như vũ bão hiện nay, muốn *sáng tạo thì phải táo bạo*"; "Ôi chao, món thạch dừa dầm Hải Phòng tưởng không ngon, hóa ra lại *ngon không tưởng*". Với tục ngữ, cấu trúc là một kết cấu Chủ ngữ - Vị ngữ nên việc đặt câu với tục ngữ cần kĩ năng ngôn ngữ cao hơn. Cấu trúc và ngữ nghĩa của tục ngữ đã trọn vẹn thành câu nên câu có sử dụng tục ngữ nên được đặt trong mối quan hệ với những câu khác để tạo nên ngữ cảnh xuất hiện hợp lí, phù hợp với tình huống mà nghĩa của tục ngữ nêu ra, ví dụ: *"Chị Lan tâm sự với chị Hoa: Con gái tôi sắp lấy chồng mà tôi chưa hiểu gì chàng rể tương lai cả. Lo quá. Chị Hoa: Thôi, em đừng nghĩ gì nhiều cho mệt. Thời đại này, con cái đặt đâu cha mẹ ngồi đấy mà em".*

b. Phương pháp hội thoại có vận dụng thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại: Đây là phương pháp hai hoặc nhiều người học cùng trao đổi, nói chuyện với nhau, trong đó có sử dụng thành ngữ - tục ngữ hiện đại. Học bằng cách hội thoại nhằm tái hiện sự giao tiếp theo phong cách người Việt, giúp người học nhớ từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và áp dụng vào giao tiếp đời thường như người Việt. Tuy nhiên, khi thực hiện hội thoại, giáo viên cần đặt ra yêu cầu cụ thể về sự vận dụng từ ngữ, cấu trúc; quan trọng nhất là sự gợi ý về tình huống giao tiếp phù hợp với thành ngữ - tục ngữ cần đặt. Với thành ngữ - tục ngữ hiện đại cũng vậy, chẳng hạn xây dựng cuộc hội thoại ngắn trong đó có sử dụng câu tục ngữ "*Lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều*", người dạy cần gợi ý về tình huống phù hợp với câu tục ngữ, đó là: có sự giúp đỡ của hai người cùng khó khăn dành cho nhau; hoặc tình huống với thành ngữ đẹp nhân tạo hơn xấu tự nhiên để chỉ một người nào đó đẹp hơn nhiều nhờ phẫu thuật thẩm mĩ.

c. Phương pháp vận dụng thể loại thành ngữ - tục ngữ hiện đại theo ngữ cảnh: Đây là phương pháp người dạy đặt ra tình huống/ngữ cảnh phù hợp để người học tìm được những thành ngữ - tục ngữ chính xác. Việc tạo dựng ngữ cảnh giả định cần được thực hiện như một hoạt cảnh ngắn; người học từ đó hiểu được thói quen giao tiếp của người Việt, ví dụ: *An:* Lan ơi, cậu có nhớ Tâm - bạn học với chúng mình từ hồi lớp 12 không?; *Lan:* Tớ có nhớ. Mà cậu hỏi tớ thế… là có chuyện gì à?; *An:* Bây giờ Lan đang khổ sở lắm. Nghe nói năm ngoái, con gái Lan dẫn người yêu về ra mắt nhưng Lan không đồng ý, cấm cản con. Thế là mẹ con cự nự nhau, rồi con bé bỏ đi luôn đến giờ, từ mặt cha mẹ; *Lan:* Đúng là tụi trẻ bây giờ, chúng chỉ muốn … (điền vào chỗ trống) (đáp án: *con cái đặt đâu cha mẹ ngồi đó)*.

Người dạy có thể tìm các video, clip thể hiện các tình huống giao tiếp và cách sử dụng thành ngữ - tục ngữ (dân gian, mới) của người Việt. Ở cách này, người học quan sát được đa dạng các tình huống giao tiếp nhưng do không trực tiếp tham gia vào cuộc giao tiếp nên chỉ có thể phát huy được trí nhớ và tư duy vận dụng còn kĩ năng thực hành không được áp dụng triệt để.

d. Phương pháp dựa vào ngữ cảnh để tìm câu thành ngữ - tục ngữ hiện đại mà người Việt thường sử dụng: Phương pháp này giống như phương pháp học/tìm từ mới. Mục đích là để người nước ngoài nhớ được cảnh huống sử dụng các câu thành ngữ - tục ngữ hiện đại và biết vận dụng các câu đó đúng hoàn cảnh.

2.3.3. Sưu tầm thành ngữ - tục ngữ tiếng Việt, đối chiếu với thành ngữ - tục ngữ của quốc gia sinh viên nước ngoài

Phương pháp này giúp SV say mê tìm hiểu ngôn ngữ trong sự đối chiếu, so sánh. Việc tìm được những câu thành ngữ - tục ngữ tương ứng hoặc đối lập (ngữ nghĩa) giữa hai quốc gia, bên cạnh việc mở rộng vốn từ, giúp SV nhớ sâu từ vựng tiếng Việt còn giúp người học hiểu được sự giao thoa, tương đồng hoặc khác biệt về văn hóa. Đây là một nội dung thú vị mà người học được tiếp nhận trong quá trình tiếp thu một ngôn ngữ hiện đại.

Xem tiếp trang 21